

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-PT

Ngày 12-01-2021

V/v: Tranh chấp quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quản Hữu Chiến

Các thẩm phán: Ông Lò Văn Diệt

Bà Tòng Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Cường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2020/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2020/DSST ngày 09/09/2020 của Tòa án nhân dân huyện MC, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn A, bà Hoàng Thị B (Có mặt).

Địa chỉ: Bản AM 1, xã LS, huyện MC, tỉnh Sơn La.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn C (Có mặt).

Địa chỉ: Bản D 3, xã ĐS, huyện MC, tỉnh Sơn La

2. Bị đơn:

+ Ông Hoàng Văn E, bà Vì Thị F (Có mặt).;

+ Ông Mong Văn G, bà Hoàng Thị H (Có mặt).

Đều trú tại: Bản AM 1, xã LS, huyện MC, tỉnh Sơn La

Đại diện theo ủy quyền của ông Mong Văn G: Anh Mong Văn I. Địa chỉ: Bản AM 1, xã LS, huyện MC, tỉnh Sơn La (Có mặt).

Đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị H: Chị Mòng Thị J. Địa chỉ: Tiểu khu 34, xã ĐS, huyện MC, tỉnh Sơn La (Có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân huyện MC, tỉnh Sơn La. Địa chỉ: Tiểu khu 14, thị trấn MC, huyện MC, tỉnh Sơn La.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế K – Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường (Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Quỹ tín dụng nhân dân xã CS. Địa chỉ: Tiểu khu 5, xã CS, huyện MC, tỉnh Sơn La.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Ngàn Thị Kim L – Kiểm soát trưởng (Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã rút yêu cầu độc lập, không có kháng cáo – Tòa không triệu tập:

+ Ông Lương Văn M. Địa chỉ: Bản AM 1, xã LS, huyện MC, tỉnh Sơn La

4. Người kháng cáo:

- Bị đơn ông Hoàng Văn E, bà Vi Thị F và bị đơn ông Mong Văn G, bà Hoàng Thị H

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm:***

Nguyên đơn ông Hoàng Văn A, bà Hoàng Thị B trình bày:

Ông Hoàng Văn A là anh trai ruột của ông Hoàng Văn E và bà Hoàng Thị H. Năm 1990, gia đình ông A, bà B chuyển đến ở cùng khu đất với gia đình em trai là ông Hoàng Văn E, bà Vi Thị F và gia đình em gái là bà Hoàng Thị H, ông Mong Văn G.

Năm 1999, khi Nhà nước có chủ trương cấp GCNQSD đất thì ba anh em ông đã thống nhất phân chia ranh giới đất để đề nghị cấp GCNQSD đất. Ngày 27/5/1999, gia đình ông A đã được UBND huyện MC cấp GCNQSD đất số O 526225 với tổng diện tích đất được cấp là 22.793m² trong đó có 400m² đất thổ cư, còn lại là đất trồng cây lâu năm, đất nương rẫy và đất lúa. Sau khi được cấp GCNQSD đất, giữa ba gia đình không hề có tranh chấp gì.

Trên diện tích đất được cấp trước đó, từ năm 1990, gia đình ông A đã dựng 01 nhà sàn gỗ 01 gian 02 trái lợp ngói, 02 trái bếp gỗ lợp ngói Fibro xi măng, 01 lán dựng thóc, trên đất trồng các cây ăn quả gồm: Mơ, xoài, mít.

Toàn bộ xung quanh diện tích đất thuộc thửa số 137 và thửa số 138 tờ bản đồ số A -39 -1 có tổng diện tích là 2.174m² gia đình ông A đã trồng cây ngô đồng làm hàng rào xung quanh. Quá trình gia đình sử dụng đất, có ông Lương Văn N- nguyên là cán bộ nông lâm của xã LS, và ông Hoàng Văn O – nguyên là

chủ nhiệm HTX AM, hiện điều cư trú tại bản AM 1 có quyết về quá trình sử dụng và diện tích đất gia đình ông A được cấp.

Năm 2008, UBND huyện MC ra quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 28/12/2008 thu hồi đất của gia đình ông A, bà B 5.816m² đất lúa tại các thửa đất số: 55, 981, 985, 986, 989, 990, 991, 992, 993, 994, 995, 996 tờ bản đồ số A-52-1 và A-GT-3 để thực hiện dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La.

Năm 2009, UBND huyện MC đã ra quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 11/3/2009 về việc thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân tại xã LS, xã CS để xây dựng công trình đường giao thông quốc lộ 43 đi điểm tái định cư AM – LS, MC. Gia đình ông A, bà B đã bị thu hồi 20,97m² đất tại thửa đất số 137, tờ bản đồ số A39-1.

Năm 2016, gia đình ông Mong Văn G, bà Hoàng Thị H đã chặt phá hàng rào lấn chiếm đất của gia đình ông A với chiều rộng khoảng 11m, chiều dài khoảng 12m, diện tích khoảng 132m² thuộc thửa đất số 138 tờ bản đồ số A – 39-1. Trên phần diện tích lấn chiếm gia đình ông A đã trồng 02 cây mơ, 01 cây xoài, 01 cây mít, phần diện tích lấn chiếm giáp với đất gia đình ông bà G, H.

Cùng năm 2016, ông bà Hoàng Văn E, Vì Thị F cũng phá hàng rào, phá sành bếp, chặt 04 cây mơ để lấn chiếm diện tích đất rộng khoảng 4m, dài khoảng 34m, tổng diện tích khoảng 136m² thuộc thửa đất số 138, tờ bản đồ số A 39-1, phần diện tích lấn chiếm giáp với đất gia đình ông bà E, F.

Sau khi bị lấn chiếm đất, gia đình ông bà A, B đã nhiều lần yêu cầu hai hộ trả lại đất nhưng hai hộ gia đình không nhất trí. Gia đình ông bà đã đề nghị UBND xã LS hòa giải nhưng không thành.

Năm 2018, gia đình ông bà đã làm đơn khởi kiện tranh chấp đất đai với gia đình ông bà E, F tại Tòa án nhân dân huyện MC. Trong quá trình Tòa án giải quyết đã xác định diện tích đất đang tranh chấp có liên quan đến diện tích đất của gia đình ông bà G, H nhưng do lúc đó ông Mong Văn G đang đi chấp hành án phạt tù nên gia đình ông bà A, B đã làm đơn đề nghị tạm đình chỉ giải quyết vụ án.

Hiện gia đình ông bà khởi kiện bổ sung về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với gia đình ông bà G H, đề nghị nhập hai vụ án làm một.

Gia đình ông bà yêu cầu gia đình ông bà E, F trả lại cho gia đình ông bà diện tích đất lấn chiếm khoảng 136m², yêu cầu gia đình ông bà G, H trả lại diện tích đất lấn chiếm khoảng 132m² tại bản AM 1, xã LS, huyện MC. Đối với số cây cối của ông bà bị ông E chặt phá, ông bà không yêu cầu bồi thường.

Đối với đất là lối đi chung giữa các hộ gia đình: Trước khi Ủy ban nhân dân huyện MC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình thì đã có con đường đi qua đất nhà ông bà và là lối đi chung đi vào nhà ông bà E, F. Hiện nay, ngoài lối đi chung đó không còn lối đi nào khác đi từ nhà ông bà E, F ra đường đi chung của bản. Gia đình ông bà vẫn nhất trí là có lối đi từ ngoài

đường đi chung của bản vào nhà ông bà E, F là đi qua đất của gia đình ông bà. Nay ông bà đề nghị Ủy ban nhân dân huyện MC đính chính lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông bà để trả lại phần diện tích đất là lối đi chung cho hộ gia đình ông bà E, F theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ với diện tích 291,8m².

Ông bà A, B xác định trong quá trình sử dụng đất, ông bà không mượn phần đất nào của gia đình ông bà G, H. Nguyên nhân diện tích đất ông bà sử dụng nhiều hơn so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông bà đã khai phá thêm diện tích đất phía bên suối.

Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, nguyên đơn ông Hoàng Văn A, bà Hoàng Thị B thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu gia đình ông bà E, F trả lại diện tích đất lấn chiếm là 170,2m² và tháo dỡ toàn bộ cổng, hàng rào mà gia đình ông bà E, F đã dựng vào diện tích đất trên. Yêu cầu gia đình ông bà G, H phải trả diện tích đã lấn chiếm là 113,8m².

Bị đơn ông Hoàng Văn E, bà Vì Thị F trình bày:

Ông Hoàng Văn E là em trai ruột của ông Hoàng Văn A, ông E và bà F kết hôn năm 1980, sau đó về chung sống với nhà bố mẹ ông E, đến năm 1984 mới ra khai phá khu đất ruộng đội 4, thuộc bản AM 1, xã LS đã bỏ hoang hơn chục năm giáp suối cạn, sau đó ra ở riêng ở khu đất tranh chấp.

Khu đất đang có tranh chấp có nguồn gốc do ông E khai phá năm 1984, sau đó được 03 năm thì em gái ông E là Hoàng Thị H không có đất ở nên ông E đã cho bà G 01 mảnh đất rộng khoảng 300m². Sau đó, ông E ở được 05 năm đã canh tác trồng ngô lúa trên diện tích đất đã khai phá, đến năm 1989 ông A không có đất ở nên ông E đã chia cho ông A 01 mảnh đất rộng khoảng 400m² để ông A làm nhà ở để anh em ở gần nhau. Trước đây ông A ở cuối bản cách nhà ông E khoảng 01 km.

Tuy nhiên khi làm nhà ở, ông A đã không làm nhà chỗ đất ông E chia cho mà làm nhà sang đất của ông E, ông E đã can ngăn nhưng ông A không nghe, sau đó ông A còn trồng thêm 05 cây mơ vào phần đất của ông E. Ông E đã nhiều lần đòi ông A trả lại đất nhưng không được, việc tranh chấp trước đây giữa ba anh em chỉ trong gia đình mà không đề nghị bản, xã giải quyết.

Đến năm 1999 khi Nhà nước có chủ trương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ba anh em ông đã thống nhất phân chia ranh giới đất để đề nghị Ủy ban nhân dân huyện MC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 27/5/1999, gia đình ông E đã được UBND huyện MC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 526425 với tổng diện tích đất được cấp là 26.170 m², trong đó đất thổ cư sử dụng lâu dài là 400m² còn lại là đất trồng cây lâu năm, đất nương rẫy và đất lúa.

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến năm 2016 gia đình ông E xác định ông bà A, B đã sử dụng vào một phần đất mà gia đình ông

E đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó ông E đã đòi lại diện tích đất có chiều rộng khoảng 6m, chiều dài khoảng 34m, diện tích khoảng 204m². Diện tích đất ông E đòi lại nằm trong thửa đất số 140, tờ bản đồ A3 9-1, khi ông E đòi lại diện tích đất trên ông E đã chặt phá 02 cây mơ của ông A đã trồng từ trước, ông E không xác định được ông A trồng 02 cây mơ trên từ thời gian nào.

Hiện nay, sau khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc đối với phần đất đang tranh chấp phía gia đình ông bà A, B yêu cầu gia đình ông E phải trả lại diện tích đất 170,2m² (phần diện tích đất này giáp với phần diện tích đất của gia đình ông A) gia đình ông E không nhất trí trả lại vì diện tích đất 170,2m² trên thuộc quyền sử dụng của gia đình ông bà E, F và đã được Ủy ban nhân dân huyện MC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc thửa đất số 140, tờ bản đồ A39-1 từ năm 1999.

Đối với lối đi chung: Từ trước khi gia đình ông bà E, F được Ủy ban nhân dân huyện MC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay, lối đi từ cổng nhà ông bà ra đến đường đi chung của bản vẫn là lối đi, đi qua đất nhà ông A, bà B hiện nay. Ngoài lối đi trên gia đình ông bà không có lối đi nào khác để đi ra ngoài đường chung của bản.

Gia đình ông bà E, F đề nghị Tòa án giải quyết việc tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông ông Mong Văn G, bà Hoàng Thị H trình bày:

Bà Hoàng Thị H là em gái ruột của ông Hoàng Văn A, năm 1985 vợ chồng ông bà đã chuyển đến làm ăn sinh sống tại bản AM 1, xã LS. Nguồn gốc diện tích đất gia đình ông bà chuyển đến ở là do ông Hoàng Văn E là anh trai ruột của bà đã chia cho vợ chồng ông bà.

Năm 1990, gia đình ông Hoàng Văn A, vợ là Hoàng Thị B cũng được ông E cho đất và chuyển đến ở cùng với gia đình ông bà và gia đình ông E. Khi đó gia đình ông A cũng đã hỏi và mượn một phần đất của gia đình ông bà để dựng nhà ở, do là anh em ruột với nhau nên không viết giấy tờ gì.

Đến năm 1999, gia đình ông bà đã được Ủy ban nhân dân huyện MC cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích đất là 16.669m², trong đó có 400m² đất thổ cư còn lại là đất trồng cây lâu năm, đất nương rẫy và đất lúa. Trong diện tích đất 400m² đất thổ cư được cấp của gia đình ông bà thì gia đình ông bà A, B đã dựng 01 ngôi nhà sàn, bếp trên diện tích đất đó từ năm 1990. Trong quá trình sử dụng đất đến khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có tranh chấp gì với nhau.

Năm 2009, Ủy ban nhân dân huyện MC đã ra quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 11/3/2009 về việc thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân tại xã LS, xã CS để xây dựng công trình đường giao thông quốc lộ 43 đi điểm tái định cư AM - LS, huyện MC, gia đình ông bà đã bị thu hồi 1.613,8m² đất trồng lúa

tại các thửa đất số 1562, 1568, 1569, 1570, 1572, 1573, 1564, 1565, 1566 tờ bản đồ số AGT-3.

Đến năm 2016, do gia đình ông bà có nhu cầu sử dụng đất để làm nhà ở cho con trai út nên gia đình ông bà đã đến yêu cầu gia đình ông bà A, B trả lại đất cho gia đình ông bà đất có chiều rộng khoảng 11m, chiều dài khoảng 12m, tổng diện tích khoảng 132m². Trên đất ngoài nhà sàn và bếp của nhà ông A còn có 02 cây mơ, 01 cây xoài, 01 cây mít do ông A trồng.

Hiện nay, sau khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc đối với phần đất đang tranh chấp gia đình ông bà A, B yêu cầu gia đình ông bà trả lại diện tích đất 113,8m², ông bà không nhất trí trả lại cho gia đình ông bà A, B diện tích đất trên vì ông bà xác định diện tích đất trên là của gia đình ông bà và đã được Ủy ban nhân dân huyện MC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1999 (Phần diện tích đất hiện đang tranh chấp là phần đất giáp ranh giữa đất nhà ông bà với diện tích đất nhà ông bà A, B).

Phần diện tích đất gia đình ông bà cho gia đình ông bà A, B mượn là từ năm 1990. Khi cho mượn thì không đo đạc diện tích cụ thể và không có giấy tờ gì.

Đối với lối đi chung: Từ trước khi gia đình ông bà được Ủy ban nhân dân huyện MC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay, lối đi từ cổng nhà ông bà E, F ra đến đường đi chung của bản vẫn là lối đi, đi qua đất nhà ông bà A, B hiện nay. Ngoài lối đi trên gia đình ông bà E, F không có lối đi nào khác để đi ra ngoài đường chung của bản.

Hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông bà đang thế chấp tại Quỹ tín dụng nhân dân xã CS để vay số tiền 40.000.000 đồng từ tháng 12/2019.

Gia đình ông bà G, H đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết việc tranh chấp theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Quỹ tín dụng nhân dân xã CS trình bày:

Ngày 04/12/2019, Quỹ tín dụng nhân dân xã CS ký hợp đồng tín dụng số 109119 với đại diện gia đình bà Hoàng Thị H, thường trú tại bản AM 1, xã LS theo Hợp đồng ủy quyền số 768/HĐUQ. Số tiền vay: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), thời hạn vay 01 năm, lãi suất vay 12%/năm, mục đích vay: mua phân bón, ngô giống và dong giống.

Hợp đồng tín dụng được thế chấp bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Mong Văn G được UBND huyện MC cấp từ năm 1999. Đến ngày 09/9/2020 bà Hoàng Thị H còn nợ gốc 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), nợ lãi 672.000 đồng (Sáu trăm bảy hai nghìn đồng).

Quỹ tín dụng nhân dân xã CS đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định, đảm bảo quyền lợi cho Quỹ tín dụng nhân dân xã CS.

1.4 Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện MC trình bày:

Năm 1999, UBND huyện MC triển khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) cho các hộ gia đình trên địa bàn xã LS theo Chỉ thị 10/1998/CT-TTg ngày 20/02/1998 của Thủ tướng Chính phủ. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình được thực hiện đo vẽ thửa công trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó không thể hiện được đúng theo kích thước cạnh thửa, diện tích, hình thể thửa đất và lối đi chung so với hiện trạng sử dụng đất dẫn đến việc tranh chấp quyền sử dụng đất. Trong đó có 03 hộ gia đình của bản AM 1, xã LS, như sau:

- Thửa đất số 139, 140 tờ bản đồ A-39-1 tại bản AM 1, xã LS tại Giấy chứng nhận sơ ri số O 526425 mang tên ông Hoàng Văn E.

- Thửa đất số 112, 113 tờ bản đồ A-39-1 tại bản AM 1, xã LS tại Giấy chứng nhận sơ ri số O 526325 mang tên ông Mong Văn G.

- Thửa đất số 137, 138 tờ bản đồ A-39-1 tại bản AM 1, xã LS tại Giấy chứng nhận sơ ri số O 526225 mang tên ông Hoàng Văn A.

Nguyên nhân tranh chấp là do hình thể thửa đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm kích thước cạnh thửa, diện tích, hình thể thửa đất của các hộ gia đình và lối đi chung không đúng theo hiện trạng sử dụng thửa đất. Do đó, để giải quyết việc tranh chấp quyền sử dụng thửa đất và lối đi chung giữa nguyên đơn ông Hoàng Văn A, bà Hoàng Thị B với bị đơn ông Hoàng Văn E, bà Vì Thị F; ông Mong Văn G bà Hoàng Thị H. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện đề nghị Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện MC thực hiện thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, đảm bảo theo đúng hiện trạng sử dụng đất.

1.5 Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn M trình bày:

Ngày 13/8/2020, ông đã viết đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện MC giải quyết yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông bà A, B do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp vào lối đi đi vào nhà ở của gia đình ông, sau khi xem xét lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông thì diện tích đất thổ cư của gia đình ông được cấp ở khu vực khác.

Lối đi qua đất nhà ông bà A, B chỉ là lối đi để vào đất nương của gia đình ông, năm 1997 gia đình ông đã làm nhà ở tại đó nhưng hiện nay diện tích đất đó vẫn là đất nương rẫy ông chưa làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, gia đình ông sẽ tự thỏa thuận giải quyết về lối đi. Sau khi tòa án tiến hành hòa giải ông Lương Văn M rút đơn yêu cầu độc lập và không yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông A, bà Vong.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 23/2020/DSST ngày 09/09/2020 của Tòa án nhân dân huyện MC, tỉnh Sơn La, quyết định:

Căn cứ Điều 166, Điều 175, Điều 254 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai; điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc gia đình ông Hoàng Văn E, bà Vì Thị F phải tháo dỡ, di dời: 01 cổng sắt có kích thước 1,9m x 1,7m = 3,23m²; 01 cổng sắt có kích thước 2,8m x 1,5m = 4,2m²; Hàng rào lưới thép B40 có chiều dài 19,6m (trong đó lưới thép B40 rào vườn rau là 11,1m, lưới thép B40 rào ngăn nhà ông bà E, F với nhà ông bà A, B là 8,5m; Hàng rào tre có chiều dài 30,1m để trả lại cho gia đình ông Hoàng Văn A, bà Hoàng Thị B diện tích đất gia đình ông Hoàng Văn E, bà Vì Thị F đã lấn chiếm của hộ gia đình ông Hoàng Văn A, bà Hoàng Thị B là 170,2m². Có vị trí tiếp giáp và mốc cụ thể như sau: Phía Bắc: Từ M12 đến M13 dài 16,81m giáp phần diện tích đất ông A đang sử dụng, từ M13 đến M14 dài 31,32m giáp với đường đi; Phía Đông: Từ M14 đến M11 dài 3,3m giáp suối; Phía Nam và phía Tây: Từ M11 đến M12 dài 48,97m giáp đất ông bà E, F, trên đất có 01 cây mơ, 02 cây xoài, 01 cây mận.

- Buộc gia đình ông Mong Văn G, bà Hoàng Thị H phải trả cho gia đình ông Hoàng Văn A, bà Hoàng Thị B diện tích đất 113,8m². Có vị trí tiếp giáp và mốc cụ thể như sau: Phía Bắc: Từ M4 đến M3 dài 12,28m giáp đất ông bà G, H; Phía Đông: Từ M3 đến M3' dài 10,11m giáp đường đi; Phía Nam: Từ M3' đến M5 dài 13,52m giáp nhà sàn ông A đang sử dụng; Phía Tây: Từ M5 đến M4 dài 7,71m giáp đất ông G, bà H, trên đất có: 02 cây mơ, 01 cây mít, 01 cây xoài. (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Mong Văn G hiện đang thế chấp tại Quỹ tín dụng nhân dân xã CS, huyện MC, tỉnh Sơn La).

1.2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lường Văn M.

1.3. Kiến nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện MC cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 526225 ngày 27/5/1999, mang tên ông Hoàng Văn A cho hộ gia đình ông Hoàng Văn A, bà Hoàng Thị Vong; đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 526425 ngày 27/5/1999, mang tên ông Hoàng Văn E cho hộ gia đình ông Hoàng Văn E, bà Vì Thị F; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số o 526325 ngày 27/5/1999, mang tên Mong Văn G cho hộ gia đình ông Mong Văn G, bà Hoàng Thị H theo hiện trạng sử dụng đất và đảm bảo về lối đi chung cho các hộ gia đình.

(có sơ đồ hiện trạng khu đất kèm theo).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/9/2020, bị đơn ông Hoàng Văn E, bà Vì Thị F và bị đơn ông Mong Văn G, bà Hoàng Thị H đều có đơn kháng cáo với nội dung Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của nguyên đơn: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm vì: Nguồn gốc đất tranh chấp được ông bà sử dụng ổn định từ năm 1990, trồng cây ăn quả và làm nhà ở ổn định trên đất. Đến năm 2016 thì các hộ gia đình ông E, bà F và ông G, bà H mới tranh chấp, chặt phá cây, sà bấp và rào chiếm đất của gia đình ông bà. Thực tế ranh giới đã được ba hộ gia đình xác định là hàng rào cây ngô đồng từ những năm 1990 đến khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng đất sau này.

Quan điểm của bị đơn ông E, bà F: Không nhất trí việc cấp sơ thẩm xác định hơn 170m² đất đang tranh chấp là của nguyên đơn. Đó là diện tích đất thuộc sở hữu hợp pháp của ông bà và đã được Ủy ban nhân dân huyện MC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999.

Quan điểm của bị đơn ông E, bà F: Không nhất trí việc cấp sơ thẩm xác định hơn 113,8m² đất đang tranh chấp là của nguyên đơn. Đó là diện tích đất thuộc sở hữu hợp pháp của ông bà và đã được Ủy ban nhân dân huyện MC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999. Việc nguyên đơn làm nhà và trồng cây trên đất là do đất trên được ông bà cho nguyên đơn mượn.

Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn E, bà Vì Thị F và bị đơn ông Mong Văn G, bà Hoàng Thị H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện MC, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn ông Hoàng Văn A, bà Hoàng Thị B khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Hoàng Văn E, bà Vì Thị F và bị đơn ông Mong Văn G, bà Hoàng Thị H trả lại phần diện tích đất lấn chiếm. Bị đơn ông E, bà F và bị đơn ông G, bà H không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định không lấn chiếm đất của nguyên đơn. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp quyền sử dụng đất là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp:

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, những người biết việc gồm ông Hoàng Văn O (nguyên chủ nhiệm HTX AM từ năm 1995-2009), ông Lương Xuân Triều – Trưởng bản AM 1, bà Hoàng Thị Niên – mẹ đẻ của nguyên đơn ông A và bị đơn ông E thì nguồn gốc đất của ba hộ gia đình hiện có tranh chấp trước đây là khu đất ruộng của Đội 4, thuộc bản AM 1 bỏ hoang hơn chục năm, sau đó năm 1984, bị đơn ông E, bà F đến khai phá khu đất trên. Năm 1985-1986, bị đơn ông G, bà H chuyển đến ở và được ông E, bà F chia một phần đất khoảng 300m²; năm 1990, ông A, bà B cũng chuyển đến ở cùng hai hộ gia đình trên và cũng được ông E, bà F chia một phần đất khoảng 400m². Trong quá trình sử dụng đất, các hộ đã tự khai phá thêm để có hiện trạng sử dụng đất như thời điểm hiện nay. Cấp sơ thẩm xác định nguồn gốc đất tranh chấp do bị đơn ông E, bà F khai hoang là có căn cứ.

[2.2] Về hiện trạng, quá trình sử dụng phần diện tích đất và tài sản trên đất tranh chấp:

Phần diện tích đất tranh chấp nằm tại vị trí giáp ranh giữa hộ gia đình nguyên đơn và 02 hộ gia đình bị đơn đang quản lý sử dụng. Năm 1999, các hộ gia đình nguyên đơn, bị đơn được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, của cán bộ trực tiếp tham gia cùng đoàn công tác thực hiện việc đo vẽ (ông Hoàng Văn O, ông Lương Văn N) để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình nêu trên thì tại thời điểm đo vẽ, các hộ gia đình đã có sự thống nhất phân chia ranh giới, có hàng rào bằng cây ngô đồng, trên phần đất của nguyên đơn có tài sản là nhà và cây ăn quả. Nguyên đơn, bị đơn đều xác nhận đất giữa các hộ được sử dụng ổn định, không tranh chấp từ khi ở đến thời điểm thực hiện việc đo vẽ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999, các hộ sử dụng đất ổn định đến năm 2016 thì phát sinh tranh chấp. Phần diện tích đất tranh chấp được ông A, bà B sử dụng từ năm 1990 đến năm 2016.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ do cấp sơ thẩm thực hiện thì hình thể, kích thước, giáp ranh diện tích đất do hộ gia đình nguyên đơn và 02 hộ gia đình bị đơn đang sử dụng không trùng khớp, phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các hộ. Trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng không thể hiện lối đi hay con suối.

Về tài sản trên đất tranh chấp: Căn cứ thực tế xem xét thẩm định tại chỗ, xác định trên phần đất tranh chấp có 01 nhà sàn 01 gian 02 trái, 02 trái bếp đã hết niên hạn sử dụng, hết khấu hao và một số cây ăn quả gồm mơ, xoài, mít cho quả trên 7, 10 năm tuổi, hàng rào lưới thép B40, cổng sắt. Quá trình lấy lời khai của đương sự, người biết việc đều xác nhận nhà sàn, bếp là nhà cũ của ông A, bà B dựng và ở từ năm 1990, đến năm 2016 thì không sử dụng, các cây ăn quả là do ông A, bà B trồng trong quá trình sử dụng đất. Đối với hàng rào B40 và cổng sắt là do bị đơn ông E, bà F dựng lên vào năm 2016.

[2.3] Quá trình xảy ra tranh chấp:

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, sự việc tranh chấp chỉ xảy ra sau khi ông A, bà B xây nhà mới tại vị trí khác trên đất do ông bà quản lý sử dụng và không sử dụng ngôi nhà sàn, bếp cũ vào năm 2016. Ông A, bà B xác định ông E, bà F đã thực hiện việc phá sàn nhà bếp, chặt 04 cây mơ và rào đất do ông A, bà B sử dụng trước đó, bản thân ông E cũng thừa nhận nội dung trên. Sự việc đã được Ban công an xã LS tiến lập biên bản hòa giải. Sau khi sự việc tranh chấp giữa hai bên phát sinh, Ủy ban nhân dân xã LS đã tiến hành xuống đo đạc, kiểm tra để giải quyết. Sau khi xuống đo đạc, thì ông G, bà H mới thực hiện việc rào đất do ông A, bà B quản lý trước đó, trên phần đất rào có cây và phần nhà bếp của ông A. Ông E, bà F xác định phần đất tranh chấp nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà; ông G, bà H cũng đưa ra lý do tương tự đồng thời xác định đó là phần đất ông bà cho ông A, bà B mượn để làm nhà.

[2.4] Đánh giá việc giải quyết của cấp sơ thẩm và xét kháng cáo của bị đơn ông E, bà F và bị đơn ông G, bà H:

Cấp sơ thẩm thực hiện giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục tố tụng, việc thu thập chứng cứ được thực hiện đầy đủ, hợp pháp.

Về đường lối giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm đã xác định làm rõ nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất; hiện trạng sử dụng đất; căn cứ lời khai của các đương sự xác định có sự việc hai gia đình ông E, bà F và ông G, bà H chặt phá cây cối, tài sản là nhà, bếp và rào chiếm đất do nguyên đơn sử dụng ổn định không có tranh chấp từ năm 1990 (thời điểm hộ gia đình nguyên đơn đến ở) đến khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (năm 1999) và đến thời điểm xảy ra tranh chấp năm 2016.

Cấp sơ thẩm đã đối chiếu hiện trạng sử dụng đất thực tế với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho các hộ, trên cơ sở xem xét tính phù hợp, chính xác của sơ đồ giao đất, sơ đồ hình thể đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lời khai của những người biết việc, của các đương sự để xác định sơ đồ đo vẽ hình thể, diện tích, kích thước trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ là không đúng với thực tế sử dụng đất và công nhận quyền sử dụng đất theo hiện trạng trước khi bị lấn chiếm là có căn cứ, đúng quy định.

Ngày 18/9/2020, bị đơn ông Hoàng Văn E, bà Vì Thị F và bị đơn ông Mong Văn G, bà Hoàng Thị H có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm. Căn cứ kháng cáo do bị đơn đưa ra: Diện tích đất tranh chấp đều nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp hợp pháp năm 1999 của hộ ông Hoàng Văn E và hộ ông Mong Văn G. Diện tích đất của ông A thừa trong khi diện tích đất của ông E, ông G thiếu so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp.

Căn cứ kháng cáo các bị đơn đưa ra trên thực tế đã được cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá, làm rõ trong quá trình giải quyết vụ án. Tranh chấp chỉ phát sinh khi bị đơn ông E, bà F thực hiện việc chặt phá cây ăn quả trên 10 năm tuổi

và rào 1 phần đất ông A đã sử dụng từ năm 1990; quá trình UBND xã LS xuống đo đạc, khi đất ông G được đo đạc, phát hiện phần đất ông A đang sử dụng được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình nên ông G đã thực hiện việc phá sành bếp (xây dựng từ năm 1990, hiện không sử dụng của ông A) và rào chiếm đất. Nội dung về việc chặt phá cây cối, phá sành bếp, rào lại đất đều được các bị đơn thừa nhận. Thực tế hình thể, tứ cận giáp ranh, diện tích đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ đều không phù hợp và trùng khớp với thực tế sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp từ năm 1990, đến khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi thu hồi 1 phần đất. Cụ thể theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp năm 1999 cho các hộ gia đình thì: Hộ ông Hoàng Văn A được cấp 2.174m^2 tại thửa 137, 138, kết quả đo thực tế diện tích là $2.496,3\text{m}^2$, tăng $322,3\text{m}^2$; Hộ ông Hoàng Văn E được cấp 5.686m^2 tại thửa 139, 140, kết quả đo thực tế diện tích là $5.379,3\text{m}^2$, giảm $316,7\text{m}^2$; Hộ ông Mong Văn G được cấp 2.941m^2 tại thửa 112, 113, kết quả đo thực tế diện tích là $3.024,3\text{m}^2$, tăng $80,6\text{m}^2$. Diện tích đất tăng giảm của các bị đơn không phù hợp với việc xác định của bị đơn về các diện tích tranh chấp (cho rằng đó là phần thiếu hụt theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình). Ủy ban nhân dân huyện MC – cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xác nhận do đo vẽ thủ công nên không chính xác và có đề nghị Tòa án kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng thực tế sử dụng. Ngoài ra, bị đơn ông G, bà H còn cho rằng phần đất ông bà rào lại là phần đất đã được ông bà cho ông A, bà B mượn nhưng ông A, bà B không thừa nhận nội dung trên. Ông G, bà H cũng không đưa ra được căn cứ nào chứng minh.

Đối với con đường đi qua đất ông A, bà B đang quản lý, sử dụng đến phần đất tranh chấp và sang đất nhà ông E, bà F: Con đường này không được thể hiện trong bất cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ gia đình. Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ xác định đây là con đường nối từ đường giao thông của bản vào đến nhà ông E, bà F. Phần đường nằm trên đất ông A, bà B rộng 4m kéo dài đến phần đất tranh chấp (vị trí nhà cũ của ông A, bà Vong), sau đó thu hẹp đi qua nhà và đến đất ông E, bà F. Đối với con đường đi này, quá trình thu thập chứng cứ xác định con đường tồn tại trước năm 1999, tại thời điểm đo vẽ, đó là con đường mòn rộng khoảng 50cm đi qua nhà ông A, bà B đến đất ông E, bà F. Các bên đương sự đều xác định đây là lối đi chung duy nhất đến nhà ông E, bà F. Đối với lối đi này, bản thân nguyên đơn cũng đề nghị Ủy ban nhân dân huyện MC đính chính lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông bà theo thực tế để đảm bảo quyền lợi cho ông E, bà F. Xét thấy, việc cấp sơ thẩm kiến nghị cấp có thẩm quyền thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ theo đúng thực tế sử dụng, đảm bảo lối đi chung là có căn cứ, đúng quy định.

Từ những phân tích nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn E, bà Vì Thị F và bị đơn ông Mong Văn G, bà Hoàng Thị H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện MC, tỉnh Sơn La.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Hoàng Văn E, bà Vì Thị F và bị đơn ông Mong Văn G, bà Hoàng Thị H đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn E, bà Vì Thị F và bị đơn ông Mong Văn G, bà Hoàng Thị H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 23/2020/DSST ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện MC, tỉnh Sơn La như sau:

Căn cứ Điều 166, Điều 175, Điều 254 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai; điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc gia đình ông Hoàng Văn E, bà Vì Thị F phải tháo dỡ, di dời: 01 cổng sắt có kích thước 1,9m x 1,7m = 3,23m²; 01 cổng sắt có kích thước 2,8m x 1,5m = 4,2m²; Hàng rào lưới thép B40 có chiều dài 19,6m (trong đó lưới thép B40 rào vườn rau là 11m, lưới thép B40 rào ngăn nhà ông bà E, F với nhà ông bà A, B là 8,5m; Hàng rào tre có chiều dài 30,1m để trả lại cho gia đình ông Hoàng Văn A, bà Hoàng Thị B diện tích đất gia đình ông Hoàng Văn E, bà Vì Thị F đã lấn chiếm của hộ gia đình ông Hoàng Văn A, bà Hoàng Thị B là 170,2m². Có vị trí tiếp giáp và mốc cụ thể như sau: Phía Bắc: Từ M12 đến M13 dài 16,81m giáp phần diện tích đất ông A đang sử dụng, từ M13 đến M14 dài 31,32m giáp với đường đi; Phía Đông: Từ M14 đến M11 dài 3,3m giáp suối; Phía Nam và phía Tây: Từ M11 đến M12 dài 48,97m giáp đất ông bà E, F, trên đất có 01 cây mơ, 02 cây xoài, 01 cây mận.

- Buộc gia đình ông Mong Văn G, bà Hoàng Thị H phải trả cho gia đình ông Hoàng Văn A, bà Hoàng Thị B diện tích đất 113,8m². Có vị trí tiếp giáp và mốc cụ thể như sau: Phía Bắc: Từ M4 đến M3 dài 12,28m giáp đất ông bà G, H; Phía Đông: Từ M3 đến M3' dài 10,11m giáp đường đi; Phía Nam: Từ M3' đến M5 dài 13,52m giáp nhà sàn ông A đang sử dụng; Phía Tây: Từ M5 đến M4 dài 7,71m giáp đất ông G, bà H, trên đất có: 02 cây mơ, 01 cây mít, 01 cây xoài. (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Mong Văn G hiện đang thế chấp tại Quỹ tín dụng nhân dân xã CS, huyện MC, tỉnh Sơn La).

* Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lường Văn M.

* Kiến nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện MC cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 526225 ngày 27/5/1999, mang tên ông

Hoàng Văn A cho hộ gia đình ông Hoàng Văn A, bà Hoàng Thị Vong; đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 526425 ngày 27/5/1999, mang tên ông Hoàng Văn E cho hộ gia đình ông Hoàng Văn E, bà Vì Thị F; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số o 526325 ngày 27/5/1999, mang tên Mong Văn G cho hộ gia đình ông Mong Văn G, bà Hoàng Thị H theo hiện trạng sử dụng đất và đảm bảo về lối đi chung cho các hộ gia đình.

(có sơ đồ hiện trạng khu đất kèm theo).

2. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Hoàng Văn E, bà Vì Thị F và bị đơn ông Mong Văn G, bà Hoàng Thị H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (12/01/2021).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện MC;
- Tòa án nhân dân huyện MC;
- Chi cục THADS huyện MC;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quản Hữu Chiến